

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 20-01-2021
V/v tranh chấp hợp
đồng dân sự về vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hòa Bình

2/ Ông Nguyễn Như Thủy

Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị H Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2020/TLST-DS, ngày 15/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số A, đường số D, cư xá Đ, Phường c, Quận e, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn H, sinh năm 1988 (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 9815, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên lạc: Số A, đường Z, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số s, đường c Thảng x, Phường S, thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ tạm trú: Nhà số V chung cư Sunrise C, số A đường N, khu phố a, phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 của nguyên đơn bà Trần Thị H và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, tại phiên tòa, thì nội dung vụ án như sau: Qua sự giới thiệu của bạn bè nên bà H và bà Q có quen biết nhau. Nhiều lần tiếp xúc, bà Q nói chuyện làm ăn và sau đó ngỏ ý vay tiền của bà H. Vì tin lời bà Q nên bà H đã cho bà Q vay số tiền 13.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 10/07/2017, bà H cho bà Q vay 10.000.000.000 đồng (có hai giấy vay tiền đề cùng ngày 10/7/2017, gồm một giấy 3.000.000.000 đồng và một giấy 7.000.000.000 đồng). Sau đó bà Q tiếp tục hỏi vay thêm. Vì hy vọng lấy được cả vốn

và lãi như lời bà Q nói, nên ngày 30/01/2018, bà H chuyển tiền qua ngân hàng vào tài khoản cá nhân cho bà Q vay tiếp 3.000.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà Q không trả cho bà H khoản nào. Nhiều lần bà H gọi điện nhưng bà Q tắt máy, bà H nhắn tin thì bà Q có hứa qua tin nhắn điện thoại sẽ trả hết nợ cho bà H trong tháng 3/2020. Do quá hạn nhưng bà Q không thực hiện lời hứa nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Q trả số tiền vay còn nợ là 13.000.000.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm thi hành án theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2020 bà Huỳnh Thị Q trình bày: Bà Q xin vắng mặt tại các buổi làm việc hòa giải và xét xử của Tòa án và có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Q xác nhận có nhận của bà H số tiền 13.000.000.000 đồng để làm ăn, nhưng công việc không thuận lợi và chưa có hướng giải quyết nên hiện nay số tiền này vẫn chưa được thu về. Bà Q có kế hoạch trả nợ cho bà H như sau: Ngày 31/5/2021 trả 5.000.000.000 đồng; Ngày 31/10/2021 trả 4.000.000.000 đồng; Ngày 23/12/2021 trả 4.000.000.000 đồng. Yêu cầu bà H không tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không nộp thêm tài liệu chứng cứ mới, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 13.000.000.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm thi hành án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ 26 đến 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Q trả số tiền 13.000.000.000 đồng cho bà H. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu tính tiền lãi cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bị đơn bà Q trả số tiền vay, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Huỳnh Thị Q có nơi cư trú tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Căn cứ hai giấy vay tiền đề cùng ngày 10/7/2017, gồm một giấy 3.000.000.000 đồng và một giấy 7.000.000.000 đồng, và căn cứ Giấy nộp tiền ngày 30/01/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam thì bà H chuyển cho bà Q số tiền 3.000.000.000 đồng, tổng số tiền bà Q vay của bà H là 13.000.000.000 đồng, có cơ sở để xác định bà Q có vay tiền của bà H. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*

Khi vay, bà Q có viết giấy nhận tiền, hai bên không thỏa thuận ngày trả tiền, không thỏa thuận về lãi suất. Bà Q cũng thừa nhận có nhận của bà H số tiền 13.000.000.000 đồng, và xin được trả thành 3 lần vào các ngày:

Ngày 31/5/2021 trả 5.000.000.000 đồng

Ngày 31/10/2021 trả 4.000.000.000 đồng

Ngày 23/12/2021 trả 4.000.000.000 đồng, và đề nghị không trả tiền lãi.

Xét, bà H cho bà Q vay số tiền 13.000.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền, tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà Q trả số tiền gốc và lãi cho đến ngày khởi kiện là 13.353.333.333 đồng, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn không yêu cầu bà Q trả số tiền lãi, chỉ yêu cầu bà Q trả số tiền gốc đã mượn là 13.000.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặt khác, bà Q thừa nhận có nhận số tiền 13.000.000.000 đồng của bà H và yêu cầu không trả tiền lãi, bà Q có yêu cầu được trả thành ba lần vào khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021, bà H đồng ý với yêu cầu này của bà Q và tự nguyện xin hoãn phiên hòa giải để bà Q có thời gian trả nợ, nhưng bà Q không thực hiện, nên bà H đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Xét, thời gian bà Q mượn tiền bà H đã lâu, từ đó đến nay bà Q chưa trả cho bà H khoản nào, nay bà H yêu cầu bà Q trả số tiền 13.000.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 13.000.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mức án phí được tính như sau, 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng), bà Q phải chịu án phí là 121.000.000 đồng.

Nguyên đơn thuộc trường hợp không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền vay còn nợ là 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng), ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 121.000.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu đồng), bị đơn bà Huỳnh Thị Q phải chịu.

[3] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân